TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v tranh chấp: *"Xin Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đương
2. Ông Dương Vương Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm Sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023, về tranh chấp:*"Xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang

(Bà M xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:*

Chị M và anh Đ tiến đến hôn nhân do tự tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2010 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ đi làm xa, không quan tâm đến vợ con, ít khi liên lạc về nhà, không phụ tiền chị M nuôi con. Đến ngày 13/11/2023, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng. Vợ chồng cãi và đánh nhau. Nay tình cảm của chị M đối với anh Đ không còn nên xin ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 07/10/2013. Chị M đang nuôi con chung. Ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn Đ, hợp lệ. Nhưng anh Đ không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị M.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M. Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Giao Nguyễn Hoài P, sinh ngày 07/10/2013 cho chị Lê Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Chị Lê Thị M xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Tân Phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 15/12/2023, chị M làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Đ được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vụ án vắng mặt chị M và anh Đ.

[2] Về nội dung vụ kiện

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2010 tại UBND xã T nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ được pháp luật công nhận. Nay chị M xin ly hôn nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị M trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Đến tháng 11/2023 thì mâu thuẫn trầm trọng. Xét thấy: Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải là tạo điều kiện cho chị M và anh Đ gặp nhau trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ vẫn không đến, chứng tỏ anh Đ không muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Do đó, cho

thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 07/10/2013. Theo trình bày của chị M, Nguyễn Hoàng P đang sống với chị M. Tại "Bản tự khai" Nguyễn Hoài P có nguyện vọng sống với chị M sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho Nguyễn Hoài P nên giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Chị Lê Thị M nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.
- Anh Nguyễn Văn Đ không phải nộp nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M.
- Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung:

- Giao con tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 07/10/2013 cho chị Lê Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Chị Lê Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.
- Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng, theo biên lai số 0001512, ngày 16/10/2023, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú Đông. Như vậy, Chị Lê Thị M đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS ND H.Tân Phú Đông;
- Chi cục THA DS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI